TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 847/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; thường trú: Xóm 13, xã A, huyện B, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Tổ 1, khu phố C, phường D, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1980; thường trú: Xóm 13, xã A, huyện B, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Đào Văn P 223, X, khu phố Đ, phường E, thị xã M, tỉnh Bình Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Song T, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1951; cùng thường trú: Xóm 13, xã A, huyện B, tỉnh Nghệ An.

(Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị N có mặt tại phiên tòa, ông Nguyễn Song T và bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị N có thời gian tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện K, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12.2006, quyển số 01, ngày 28/6/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xóm 13, xã A, huyện B, tỉnh Nghệ An được một thời gian thì chuyển vào thị xã M, tỉnh Bình Dương sinh sống. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2017, chị N bỏ nhà đi để lại con cho anh H nuôi dưỡng. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị N.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh H và chị N có hai con chung là Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 20/6/2007 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 19/5/2010. Cháu L hiện đang sống cùng ông bà nội, cháu S do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi chị N bỏ đi. Anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Anh H làm nhà thầu xây dựng với mức thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng nên có khả năng trang trải cho cuộc sống của các con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Thống nhất lời trình bày của anh H về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi sinh sống của vợ chồng sau khi kết hôn. Anh H cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn là không đúng sự thật, nguyên nhân là do anh H ngoại tình. Khi chị N sống chung với mẹ chồng, anh H đã dựng chuyện chị N đi theo trai nên chị N bị mẹ chồng xúc phạm. Năm 2017, chị N bị bệnh u sơ tử cung nên chị có xin bố mẹ chồng tạo điều kiện cho chị đi chữa bệnh, bố mẹ chồng cũng đồng ý cho chị đi chữa bệnh. Sau khi trị bệnh xong, chị N có gọi điện thoại xin về nhà nhưng bố mẹ chồng không cho chị về vì nói chị N đã bỏ nhà, bỏ con ra đi. Tòa án mời chị N lên làm việc thì chị N mới biết việc anh H nộp đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con với chị N. Chị N có liên hệ với anh H thì anh H nói chị đưa anh H 30.000.000 đồng, anh H sẽ đồng ý rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, khi chị N đưa tiền cho anh H thì anh H không giữ lời. Về thực tế thì chị N và anh H không có mâu thuẫn gì, chị N vẫn còn tình cảm với anh H nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị N và anh H có hai con chung Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 20/6/2007 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 19/5/2010. Do không đồng ý ly hôn nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị N yêu cầu được trược tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị N làm nghề trồng và bán

rau, công việc ổn định, thu nhập khoảng 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng nên có khả năng, thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Song T và bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ông Nguyễn Song T là bố của anh Nguyễn Văn H, chị Phạm Thị N là con dâu của ông T, cháu Nguyễn Thị Phương L là cháu nội của ông T. Vợ chồng anh H, chị N đi làm ăn trong Bình Dương từ lâu nên việc phát sinh mâu thuẫn từ thời gian nào cũng như nguyên nhân mâu thuẫn thì ông T, bà C không biết. Hiện tại, cháu Nguyễn Thị Phương L đang cùng sinh sống với ông T, bà C tại xóm 13, xã A, huyện B, tỉnh Nghệ An. Cháu L về sống với ông bà nội từ lúc 10 tháng tuổi cho đến nay. Việc cháu L về sống với ông T, bà C là có sự đồng ý của anh H, chị N và do vợ chồng anh H, chị N trực tiếp đưa cháu về Nghệ An gửi cho ông T, bà C trông nom, chăm sóc lâu dài. Quá trình nuôi dưỡng cháu L thì mọi vấn đề do ông T, bà C quyết định. Ông T, bà C không có ý kiến gì về việc anh H, chị N có tranh chấp ly hôn. Còn cháu L do ông T, bà C trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T, bà C có yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2019, cháu Nguyễn Thị Phương L trình bày: Cháu L hiện đang học lớp 7B Trường THCS Y, xã A, huyện B, tỉnh Nghệ An. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu L ly hôn thì cháu L có nguyện vọng được ở cùng ông bà nội vì ông bà nuôi dưỡng cháu L từ nhỏ đến nay.

- Tại bản tự khai ngày 04/9/2019, cháu Nguyễn Văn S trình bày: Trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu S xin được ở với bố vì mẹ bỏ đi, bố là người chăm sóc cháu.

- Ngày 23/9/2019 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị N tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường E và được cung cấp như sau: Quá trình anh H, chị N sinh sống tại địa phương, chính quyền không nhận được đơn thư hay trình báo gì về việc anh chị có xảy ra mâu thuẫn trong gia đình nên không biết được mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là gì cũng như công việc, thu nhập, vấn đề nuôi dạy con chung của anh H, chị N nên không cung cấp thông tin được cho Tòa án.

- Tại phiên tòa, anh H và chị N xác định sau khi kết hôn, vợ chồng vào tỉnh Bình Dương sinh sống đến năm 2013 thì chị N về quê sống cùng bố mẹ chồng, anh H vẫn sinh sống làm việc tại tỉnh Bình Dương. Anh H và chị N không sống cùng nhau từ năm 2013. Năm 2017, chị N đi chữa bệnh và vào Bình Dương sinh sống cho đến nay.

Anh H thừa nhận anh có mượn của chị N số tiền 30.000.000 đồng và hứa trước tết sẽ trả cho chị N. Anh H xác định không còn tình cảm với chị N, yêu cầu được ly hôn với chị N. Về con chung, anh H vẫn tiếp tục gửi cháu Nguyễn Thị Phương L cho ông bà nội trông nom, chăm sóc; còn cháu Nguyễn Văn S thì anh H đang gửi cho một người bạn chăm sóc trong thời gian anh H đi làm công trình. Anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị N cho rằng anh H ngoại tình, thời gian chị N sống ở quê cùng bố mẹ chồng thì chị N bị bố mẹ chồng xúc phạm. Chị N có ý kiến nếu anh H trả hết số tiền 30.000.000 đồng và giao một con chung cho chị N nuôi dưỡng thì chị N đồng ý ly hôn. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn S, giao cháu Nguyễn Thị Phương L cho anh H nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án*: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H, chị N là có thật và đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh H được ly hôn với chị N. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Phương L sinh sống cùng ông bà nội từ nhỏ nên để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu thì cần giao cháu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; đối với cháu Nguyễn Văn S, xét chị N có điều kiện thời gian chăm sóc cháu nên cần giao cháu S cho chị N nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con giữa anh H với bị đơn chị Phạm Thị N, chị N có đăng ký tạm trú và đang sinh sống tại địa chỉ Đào Văn P 223, X, khu phố Đ, phường E, thị xã M, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyền của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Song T và bà Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, bà C theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện K, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12.2006, quyển số 01, cấp ngày 28/6/2006 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh Nguyễn Văn H cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị N bỏ nhà đi từ năm 2017. Anh H xác định không còn tình cảm với chị N nên yêu cầu được ly hôn. Chị N cho rằng anh H ngoại tình, chị N bị gia đình chồng xúc phạm, chị N đồng ý ly hôn nếu anh H trả lại số tiền 30.000.000 đồng.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Thực tế, anh H và chị N sống ly thân từ năm 2013, các bên không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ; đồng thời qua lời trình bày của các bên tại phiên tòa cũng thể hiện tình trạng hôn nhân đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh H yêu cầu được ly hôn với chị N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, anh H và chị N có hai con chung là Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 20/6/2007 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 19/5/2010. Anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn S, giao cháu Nguyễn Thị Phương L cho anh H nuôi dưỡng, các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét việc giao con cho anh H hay chị N nuôi dưỡng cần phải xem xét đến quyền lợi về mọi mặt của con chung.

Căn cứ lời khai của ông T, bà C và lời khai của cháu L xác định cháu L được anh H, chị N đưa về quê và giao ông bà nội (ông T, bà C) chăm sóc, nuôi dưỡng từ lúc 10 tháng tuổi đến nay. Cháu L đang học tập, sinh sống ổn định tại tỉnh Nghệ An cùng với ông bà nội, cháu L đang độ tuổi dậy thì nên việc thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu. Theo nguyện vọng của cháu L muốn được tiếp tục sống cùng ông bà nội trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, đồng thời anh H xác định sau ly hôn anh vẫn gửi cháu L cho ông bà nội trông nom, chăm sóc như từ trước đến nay. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu L, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với cháu Nguyễn Văn S, tại phiên tòa anh H thừa nhận do anh H đi làm công trình nên anh đang gửi cháu S cho một người bạn trông nom, chăm sóc tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, mỗi tuần anh H về thăm cháu S một lần. Xét cháu S còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc từ cha mẹ, anh H đi làm công trình, không trực tiếp chăm lo cho cháu S, về phía chị N có điều kiện công việc ổn định và có thời gian để chăm sóc, nuôi dạy cháu S. Do đó, cần giao cháu Nguyễn Văn S cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H xin ly hôn với chị Phạm Thị N và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H đối với bị đơn chị Phạm Thị N về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Phạm Thị N (Giấy chứng nhận kết hôn số 12.2006, quyển số 01, ngày 28/6/2006 do Uỷ ban nhân dân xã I, huyện K, tỉnh Nghệ An cấp).

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 20/6/2007 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Văn S, sinh ngày 19/5/2010 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị N có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029141 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- UBND xã I,
huyện K, tỉnh Nghệ An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Trang